

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/DS-ST

Ngày: 17/06/2020.

V/v tranh chấp: hợp đồng vay

tài sản và mua bán tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương**

**2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa**

*Thư ký phiên tòa:* bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông **Lê Thành Chí** - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-DS ngày 13/02/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐST-DS ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ L** – sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

Ủy quyền cho bà **Trần Thị Kim P** - sinh năm 1987

Địa chỉ: khu phố \*, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Theo giấy ủy quyền số chứng thực 46 quyền số 02 SCT/CK,CD ngày 10/2/2020

2. Bị đơn: **PHAN THỊ P** – sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

*(Các đương sự có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: bà và bà Phan Thị P là hàng xóm với nhau, bà là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng. Trong tháng 09/2018

âm lịch bà cho bà Phan Thị P vay 01 lần tiền để xoay sở kinh tế gia đình, lãi suất thỏa thuận 3% tháng, thỏa thuận khi nào bà cần thì bà P phải trả tiền cho bà cụ thể: ngày 09/09/2018 âm lịch bà P vay của bà 100.000.000 đồng. Trước đó bà P có xây cất căn nhà tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, bà P có mua vật tư xây dựng của cửa hàng bà theo hình thức giao hàng và thanh toán sau khi thi công xong công trình. Tuy nhiên, sau khi xây cất nhà xong thì bà P còn nợ bà 200.000.000 đồng, bà P cứ hẹn lần lượt mà không trả tiền cho bà nên ngày 04/10/2018 âm lịch, bà P viết giấy nợ cho bà là 200.000.000 đồng, đồng ý chịu lãi suất 3%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P đã trả cho bà tiền lãi đến hết tháng 6/2019 âm lịch thì ngưng. Bà đã yêu cầu bà P trả tiền lãi và vốn cho bà từ tháng 07/2019 âm lịch nhưng bà P cứ hẹn lần lượt, thậm chí người nhà của bà P còn có lời lẽ xúc phạm bà. Nay bà yêu cầu bà Phan Thị P trả lại bà số tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1.6%/ tháng (tạm tính đến ngày khởi kiện là 7 tháng x 1,6%/tháng x 300.000.000 đồng = 33.600.000 đồng), yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

\* Tại văn bản lời khai của bị đơn bà Phan Thị P trình bày: bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị L tổng cộng là 300.000.000 đồng. Cụ thể: ngày 09/9/2018 âm lịch bà vay 100.000.000 đồng; lần 2 ngày 04/10/2018 vay 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng nhưng trong giấy nợ ghi 3%/tháng. Bà đã đóng lãi hàng tháng với mức 4%/tháng, thực hiện đóng đủ từ khi làm giấy nợ đến ngày 15/8/2019 âm lịch cho bà L. Việc đóng tiền lãi này bà không có giấy tờ gì để chứng minh. Biên nhận "giấy nợ mua VLXD trả góp" ngày 4/10/2018 và "giấy mượn tiền" ngày 09/9/2018 là do bà tự viết, tự ký và ghi họ tên. Nay bà L kiện yêu cầu bà trả số tiền vốn 300.000.000 đồng và tiền lãi 1,6%/tháng, tiền lãi tính từ tháng 07/2019 âm lịch thì bà vẫn đồng ý, nhưng bà xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn.

### **Tại phiên Tòa hôm nay**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim P yêu cầu bà Phan Thị P trả lại bà L số tiền là 300.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày tháng 07/2019 âm lịch đến tháng 02/2020 âm lịch là 07 tháng với mức lãi suất 1,6% thành tiền là 33.600.000 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phan Thị P đồng ý trả số tiền vốn 300.000.000 đồng và tiền lãi là 33.600.000 đồng cho bà L, nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Phan Thị P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn 300.000.000.000 đồng và tiền lãi là 33.600.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản.

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có cơ sở: vì bà L có cho bà Phan Thị P vay tiền vào ngày 09/9/2018 với số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, với thời hạn là khi nào bà L cần tiền thì yêu cầu bà P trả lại. Đồng thời vào năm 2017 - 2018 bà P có mua vật tư xây dựng để xây cất nhà, đến ngày 04/10/2018 âm lịch hai bên tổng kết nợ lại thì bà P còn nợ bà L tiền vật tư xây dựng là 200.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng. Đến tháng 07/2019 âm lịch bà L yêu cầu bà P trả tiền nhưng bà P không thực hiện trả tiền cho bà L. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà L cung cấp 02 tờ biên nhận "giấy mượn tiền" ngày 9/9/2018 và "giấy nợ mua VLXD trả góp" ngày 04/10/2018 AL có chữ viết và chữ ký của bà P. Tại phiên tòa bà P cũng thừa nhận còn nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng và chấp nhận trả lại cho bà L số tiền 300.000.000 đồng. Bà P cho rằng số tiền 200.000.000 đồng là tiền vay chứ không phải là tiền mua vật tư xây dựng, nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh trong khi biên nhận là do bà viết và ký tên. Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa bà L và bà P đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 và hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015, phía bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ, nên cần buộc bà P có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 440 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về tiền lãi: bà L yêu cầu tính lãi chậm trả từ tháng 07/2019 âm lịch đến tháng 02/2020 âm lịch là 07 tháng với mức lãi suất 1,6% thành tiền là 33.600.000 đồng. Xét yêu cầu này của bà L là có cơ sở vì bà P chậm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bà L nên bà P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất bà L và bà P thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Tại phiên tòa người đại diện của bà L yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,6%/ tháng phù hợp với Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa bà P cũng chấp nhận trả tiền lãi cho bà L là 33.600.000 đồng. Do đó, yêu cầu này của bà L được chấp nhận.

[3] Về thời gian trả: bà L yêu cầu bà P trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này bà P để kéo dài không trả cho bà L đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L, nên cần buộc bà P trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với ý kiến của bà P chấp nhận trả cho bà L số tiền vốn và lãi là 333.600.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét ý kiến này của bà P là không có cơ sở vì như đã phân tích ở trên và phía bà L không chấp nhận cho bà P trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng, nên ý kiến này của bà P không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*

**QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:** - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L

Buộc bà Phan Thị P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 33.600.000 đồng, tổng cộng là **333.600.000** đồng (ba trăm ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Về án phí:** Bà Phan Thị P phải chịu **16.680.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L **8.340.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0016322 ngày 13/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Văn Tuấn Anh**

